

Bản án số: 22/2021/HS-ST
Ngày 24-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huệ;
2. Ông Đặng Ngọc Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/HSST-QĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, đối với:

Bị cáo Chu Công T, sinh ngày 15/01/1990, tại: xã K, huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề ngH: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông: Chu Công N sinh năm 1948 và bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1966; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2015/HSST ngày 25/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, chấp hành xong án phạt tù ngày 29/4/2017, chấp hành xong án phí tháng 10/2015.

Bị bắt tạm giam từ ngày 27/8/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Bình

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Hữu L - Luật sư – Văn phòng Luật sư Phạm Hữu L và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình

Bị hại: Anh Vũ Ngọc T1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện P, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo và ông L, vắng mặt anh T1 – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tối ngày 17/5/2020, Chu Công T mời bạn gái là chị Lê Thị O, sinh năm 1994, trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện P, tỉnh Thái Bình và anh Nguyễn Đ H, sinh năm 1992, trú tại: thôn C, xã An H, huyện P; anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992, trú tại: TH, xã AT, huyện P đến nhà uống bia, ăn tối. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, ăn xong T cùng chị O, anh H, anh Đ đi ra quán của anh Lê Đắc K, sinh năm 1986, trú tại: thôn Q, xã K, huyện P uống nước. Trước đó khoảng 10 ngày, T nghe chị O kể việc anh Vũ Ngọc T1 đổ gạch, đất lên ruộng gia đình chị O thuê của Ủy ban nhân dân xã A để trồng chuối. T đã gọi điện thoại bảo anh T1 dừng việc đổ đất, gạch xuống ruộng nhà chị O. Trong lúc ngồi uống nước T có hỏi lại, chị O nói anh T1 vẫn còn đổ đất gạch xuống ruộng nên bảo chị O cho số điện thoại di động của anh T1. T sử dụng số điện thoại di động, sim thuê bao số 0988567XXX gọi đến số thuê bao 0974588YYY của anh T1. Nghe máy, anh T1 hỏi “Ai đấy”, T đáp “Em là T, bạn của O”. Anh T1 nói “*Tao không nói chuyện với mày, mày không đủ tư cách nói chuyện với tao*”. T chửi “*Đ.bà mày*” rồi tắt máy. Thấy vậy, chị O giằng lấy chiếc điện thoại của T. Ngay sau đó anh T1 gọi điện lại cho T, chị O mở máy, bật loa ngoài. Anh T1 chửi “*Đ.mẹ mày. Mày thích chết không, tao chém chết mày bây giờ*”. T giằng điện thoại từ tay chị O để nói chuyện với T1 nhưng không được. Cảm thấy bị xúc phạm trước mặt bạn gái, T đứng dậy đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 17B5 – 518.13 của O về nhà lấy hung khí tìm anh T1 để đánh nhau. T dựng xe ở cổng, nhảy qua tường bao, vào phòng ngủ tầng 1, lấy ở dưới gầm giường 01 thanh đao có cán bằng kim loại dài 90cm, mũi nhọn, lưỡi đao sắc dài 60cm, bản rộng nhất dài 06cm và 01 đoạn tuýp kim loại dài 95cm, hình trụ tròn đường kính 03cm, cầm ra cổng, khởi động xe máy, xe không nổ do không có chìa khóa. T cầm thanh đao, tuýp kim loại, đi bộ khoảng 200m thì gặp anh H đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 17B5 – 359.AB, chở O đi tới. Anh H dừng xe nói: “*Anh ơi đừng đánh nhau nữa*”. Chị O nói “*Em xin anh, anh đi về đi*”, rồi đi bộ về phía ngõ nhà T để lấy xe, chị O gặp anh Ngô Quang M, sinh năm 1992, trú tại: Thôn L, xã K, huyện P điều khiển xe mô tô chở vợ là chị Ngô Thị P, sinh năm 1998, đi ngược chiều tới nên có nhờ anh M, chị P khuyên ngăn T. Anh M đi xe vượt qua T rồi dừng lại xuống xe, anh M, chị P đều nói “*Đi về thôi, đánh nhau làm gì, có gì mai nói chuyện*”. T đáp “*Mày về đi kệ tao*”. Thấy anh H đi xe tới, T nhảy lên xe anh H, tay phải cầm thanh đao, tuýp kim loại để dọc theo đùi

bên phải, bảo anh H chở đến Thôn Đ, xã A. Nghĩ nếu không chở đi thì T cũng đi bộ đến xã A nên anh H chở T để nếu xảy ra đánh nhau còn kịp can ngăn. Anh M chở chị P theo sau. Chị O sau khi lấy được xe, trên đường đi đến quán của anh Lê Đắc K có gọi và chở anh K, anh Đ đi đến xã A để khuyên can T. Tới ngã ba giao nhau giữa đường ĐH 72 với đường nhánh vào Thôn Đ, xã A, anh H rẽ phải vào đường thôn khoảng 15m thì T bảo dừng lại. T xuống xe tay phải cầm thanh đao, tay trái cầm tuýp kim loại đi bộ vào trong. Anh H dựng xe đi theo và nói “*Anh về đi đừng đánh nhau làm gì*”. Do không biết nhà anh T1, T vừa đi vừa gọi nhiều lần “*Thằng T1 đâu, mày ra đây*”. Cùng lúc này anh M, anh Đ, anh K và chị P đi tới tiếp tục can ngăn nhưng T không dừng lại. Anh K lao vào giằng lấy thanh đao, tuýp kim loại trong tay T nhưng chỉ giật được đoạn tuýp mang ra dựng ở mé bờ tường gần đó rồi đi về trước. Không tìm được nhà anh T1, T bảo chị O đưa điện thoại để T gọi cho anh T1. Do không thấy điện thoại của T nên chị O đi xe về nhà tìm. T cầm đao tiếp tục đi bộ vào trong thôn khoảng 100m tìm nhà anh T1. Anh M đi theo T để can ngăn. Anh H, anh Đ, chị P đứng ở đường cách ngã ba khoảng 40m. Đến khoảng 21 giờ 20 phút, anh T1 ngủ dậy, đi bộ ra quán tạp hóa của ông Bùi Quang C, sinh năm 1951 ở cùng thôn mua thuốc lá. Do sợ T tìm đánh mình nên anh T1 mang theo 02 thanh kiếm kim loại (một thanh kiếm màu trắng dài 67cm, cán bằng kim loại, lưỡi sắc dài 50cm, bản rộng nhất 3,5cm, mũi nhọn; một thanh kiếm màu trắng dài 65cm, cán bằng gỗ màu nâu, lưỡi sắc dài 45cm, bản rộng nhất 3,5cm, mũi nhọn) kẹp ở một bên nách để phòng thân và đánh trả. T trên đường đi nhìn thấy ông Bùi Quang C đang nằm ở võng trong quán bán hàng tạp hóa bên trái đường nên hỏi “*Chú cho cháu hỏi nhà anh T1 ở đâu*”. Anh M đứng trước cửa quán khoảng 02 mét. Không biết mục đích của T nên ông C đứng dậy chỉ tay về phía ngã ba giao nhau giữa đường thôn với ngõ đi vào nhà anh T1 nói “*Nhà T1 đi mãi sâu vào trong ngõ kia*”. Cùng lúc này, anh T1 đang sử dụng điện thoại đi từ trong ngõ ra đến ngã ba nhìn thấy T tay cầm đao đang hỏi đường đi vào nhà mình nên liền rút chiếc điện thoại xuống đường nói “*Tao T1 đây*”. T không nói gì, hai tay cầm đao (tay phải trên, tay trái dưới) đi nhanh về phía anh T1. Anh T1 hai tay cầm hai thanh kiếm cũng tiến về phía T. Khi khoảng cách còn khoảng 1,5 mét, ở tư thế đứng đối diện, T vung đao chém 01 nhát, hướng từ trên xuống dưới, từ phải sang trái hướng về phía anh T1. Anh T1 giơ 02 thanh kiếm lên ngang mặt đỡ, đao trúng vào 02 thanh kiếm. T vung đao chém tiếp nhát thứ hai theo hướng từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. Anh T1 cầm kiếm giơ lên đỡ thì bị trúng vào mặt trước, trong sau dưới hai cẳng tay, làm 02 thanh kiếm rơi xuống đường. Anh T1 bỏ chạy vào nhà anh Phạm Văn N, sinh năm 1972 ở cùng thôn. T đuổi theo anh T1 được khoảng 20 mét không được nên dừng lại, cầm đao đi ra chỗ anh T, anh Đ, anh H và chị P đứng. Trên đường đi T thấy đoạn tuýp dựng ở mé bờ tường nên cầm theo rồi lên xe anh M chở về. Anh Đ, anh H và chị P đi theo sau. Ông C thấy T cầm đao tiến về phía anh T1 do sợ hãi đã đóng cửa quán lại. Sau khi sự việc kết thúc, ông đã đi ra khu vực ngã ba đường thì nhặt được 02 thanh kiếm nên cầm vào để trong quán. Anh N thấy anh T1 bị thương đã dùng khăn, áo băng bó viết thương sau đó đi ra ngã ba đường tìm lại chiếc điện thoại và thông

báo cho gia đình anh T1 biết sự việc. T về nhà rửa sạch thanh đao, cắt thanh đao, đoạn tuýp lên mi cửa sổ rồi đi ngủ. Đến khoảng 22 giờ, biết tin anh T1 phải đi bệnh viện, T đã nhờ ông Chu Văn S, anh Chu Công V (là ông họ và chú họ của T) cùng với chị O đến thăm hỏi anh T1. Anh T1 được gia đình đưa tới bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình và Bệnh viện hữu nghị V Đ – Hà Nội điều trị thương tích đến ngày 05/6/2020 xuất viện điều trị tại gia đình.

Tại bản kết luận giám pháp y thương tích số 3051/C09-TT1 ngày 29/5/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận về thương tích của anh Vũ Ngọc T1 như sau:

“Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với tổn thương gãy 1/3 giữa xương trụ trái của anh Vũ Ngọc T1 tại thời điểm giám định là 06% (Sáu phần trăm)”

Do anh Vũ Ngọc T1 đang được điều trị tại bệnh viện V Đ nên không khám chuyên khoa và làm các xét nghiệm cần thiết; hiện tại hai cẳng tay được nẹp kín. Do vậy không đánh giá được hết các tổn thương và di chứng C thương. Viện khoa học hình sự Bộ Công an đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đưa anh T1 đi giám định bổ sung sau khi anh T1 điều trị ổn định”.

Ngày 10/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 02 và Công văn đề nghị giám định thương tích ngày 07/7/2020 về xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Vũ Ngọc T1. Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 4419/C09-TT1 ngày 07/8/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận về thương tích của anh Vũ Ngọc T1 như sau:

Giữ nguyên tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với tổn thương gãy 1/3 giữa xương trụ trái của anh Vũ Ngọc T1 tại bản kết luận giám định ngày 29/5/2020 là: 6%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của các thương tích bổ sung ngày 07/7/2020 như sau:

Đối chiếu Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của từng thương tích bổ sung như sau:

- Sẹo vết thương và sẹo phẫu thuật mặt trước - trong - sau ½ dưới cẳng tay phải: 03% (áp dụng Mục.3, Chương 8).

- Sẹo vết thương và sẹo phẫu thuật mặt trước - trong - sau ½ dưới cẳng tay trái: 03% (áp dụng Mục I.3, Chương 8).

- Đứt động mạch trụ trái (động mạch kích thước trung bình) không có biểu hiện thiếu máu nuôi dưỡng: 04% (Áp dụng Mục II.3.1, Chương 2).

- *Tổn thương thần kinh giữa bên trái đoạn dưới chỗ chia nhánh cho cơ sấp tròn và trên chỗ chia nhánh cho cơ sấp vuông: 11% (áp dụng Mục VII.3.20, Chương 1)*

- *Tổn thương thần kinh trụ bên trái đoạn dưới chỗ chia nhánh cho cơ gấp cổ tay trụ và trên chỗ chia nhánh bì trụ mu tay: 11% (áp dụng Mục VII.3.17, Chương 1).*

- *Tổn thương thần kinh quay bên trái đoạn dưới chỗ chia nhánh cho cơ cánh tay quay và trên chỗ chia nhánh cho cơ duỗi chung các ngón: 11% (áp dụng Mục VII.3.14, Chương 1)*

- *Mề bờ trong 1/3 giữa xương quay trái: 01% (Mục II.4.4, Chương 7)*

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Vũ Ngọc T1 sau khi giám định ngày 29/5/2020 và bổ sung ngày 07/7/2020 là 41% (Bốn mươi một phần trăm) ”.

Quá trình điều tra bị cáo Chu Công T đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường toàn bộ chi phí cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, thu nhập bị mất của bị hại, người chăm sóc cho bị hại và tổn thất về tinh thần số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Anh Vũ Ngọc T1 đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì khác về việc bồi thường trách nhiệm dân sự đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKSQP ngày 20/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình truy tố Chu Công T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự, thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhất trí với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và không có ý kiến bổ sung. Bị cáo đã bồi thường cho anh T1 số tiền 100.000.000 đồng và không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề bồi thường dân sự. Luật sư bào chữa cho bị cáo không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Chu Công T về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Chu Công T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”; Về hình phạt: áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp “*Dùng hung khí nguy hiểm*” và “*có tính chất côn đồ*”, quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự), Điều 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/8/2020; Ngoài ra còn đề nghị về xử lý vật chứng và án phí.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh của bị cáo: bị cáo phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” với 1 tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là “*dùng hung khí nguy hiểm*”. Không nhất trí áp dụng tình tiết “*Có tính chất*

côn đồ” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, vì: bị hại Vũ Ngọc T1 thách thức bị cáo, anh T1 cũng đã chuẩn bị công cụ là những hung khí nguy hiểm sẵn sàng để tấn công bị cáo, khi nhìn thấy bị cáo anh T1 đã không tỏ ra lo sợ hay trốn tránh mà có thái độ chuẩn bị đánh nhau với bị cáo. Luật sư đề áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 (với 01 tình tiết “*dùng hung khí nguy hiểm*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự), Điều 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới khung.

Đôi đáp của Viện kiểm sát: Về ý kiến của Luật sư không nhất trí áp dụng tình tiết “*Có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không quen biết, mâu thuẫn với anh T1. Khi nghe bạn gái là chị Lê Thị O kể về việc anh T1 có hành vi đồ đạc, đất lên ruộng trồng chuối của nhà chị O, bị cáo đã gọi điện thoại cho anh T1 để nói chuyện và bị cáo là người chửi anh T1 trước. Anh T1 gọi điện lại chửi, đe dọa bị cáo. Chỉ vì muốn khẳng định mình trước mặt bạn gái, bị cáo đã đi xe máy về nhà lấy hung khí là 01 thanh đao bằng kim loại dài 90cm, mũi nhọn, lưỡi đao sắc và 01 đoạn tuýp kim loại dài 95cm là Ngu hung khí nguy hiểm tìm tới nơi ở của anh T1 để đánh anh T1. Quá trình đi tìm đánh anh T1, bị cáo cầm hung khí một cách công khai và ngang nhiên không được che, bọc. Suốt quãng đường từ nhà bị cáo đến nhà anh T1 khoảng 01km, bị cáo liên tục được chị O, anh H, chị P, anh M can ngăn nhưng bị cáo không nghe, vẫn quyết tâm cầm hung khí đi tìm đánh anh T1. Tới đầu ngã ba Thôn Đ, bị cáo tiếp tục được chị O, anh H, chị P, anh M, anh Đ, anh K can ngăn nhưng bị cáo không dừng lại, tay cầm đao vừa đi vừa hô hoán thách thức anh T1. Nhìn thấy anh T1, bị cáo không nói gì mà ngay lập tức lao vào chém liên tiếp 02 nhát, gây thương tích tới 41% cho anh T1. Anh T1 bị thương bỏ chạy thì bị cáo tiếp tục đuổi theo. Một chuỗi hành vi cũng như thái độ của bị cáo cho thấy hành vi của bị cáo rất quyết liệt, bị cáo quyết tâm thực hiện tội phạm, thể hiện rõ tính chất côn đồ, hung hãn, coi thường quy tắc xử sự trong xã hội và sức khỏe của người khác. Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội “*Cướp tài sản*”, đã phải chấp hành hình phạt tù nhưng bị cáo không ăn năn, hối cải lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo về hành vi có tính chất côn đồ là hoàn toàn có căn cứ. Về việc Luật sư đề nghị xử bị cáo mức hình phạt dưới khung: Mặc dù bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu, hành vi của bị cáo rất nghiêm trọng với 02 tình tiết định khung là “*dùng hung khí nguy hiểm*” và “*có tính chất côn đồ*”, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nên không thể áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo ở mức dưới khung hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không bổ sung quan điểm bào chữa của Luật và cũng không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo có lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả. Bị cáo đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã cố ý gây thương tích cho người khác. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và được chứng minh bằng toàn bộ các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án như lời khai của bị hại, người làm chứng, bản kết luận giám định pháp y và các tài liệu chứng cứ khác.

[3] Không chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo rằng hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc trường hợp “*có tính chất côn đồ*” theo điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát rằng hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “*có tính chất côn đồ*” như quan điểm đối đáp của đại diện Viện kiểm sát với Luật sư bào chữa.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Do trước đó anh Vũ Ngọc T1 có hành vi đồ gach, đất lên ruộng trồng chuối của chị Lê Thị O là bạn gái Chu Công T nên tối ngày 17/5/2020, T và anh T1 đã thách thức, đe dọa nhau qua điện thoại, mặc dù đã được nhiều người khuyên ngăn nhưng T vẫn cầm dao có cán bằng kim loại dài 90cm, mũi nhọn, lưỡi dao sắc dài 60cm, bản rộng nhất 06cm; 01 đoạn tuýp kim loại dài 95cm, hình trụ tròn đường kính 03cm, là Nng hung khí nguy hiểm từ nhà ở Thôn L, xã K, huyện P đến Thôn Đ, xã A, huyện P để đánh anh T1. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, thấy anh T1 cầm kiếm ở khu vực ngã ba đường Thôn Đ, xã A, T đã cầm dao chém liên tiếp anh T1 02 nhát, nhát thứ nhất trúng vào 02 thanh kiếm; nhát thứ hai trúng vào mặt trước, trong sau dưới hai cẳng tay của anh T1. Hậu quả làm anh T1 bị thương tích 41%. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự thuộc trường hợp “*Dùng hung khí nguy hiểm*” và “*Có tính chất côn đồ*”, quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

i) Có tính chất côn đồ

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”.

Viện Kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự, thuộc trường hợp quy định tại điểm a và i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh và quyết tâm thực hiện tội phạm rất cao. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội và tạo dư luận bất bình, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo: Sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 100.000.000 đồng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bị kết án tù giam về tội “*Cướp tài sản*” mặc dù đã được xóa án tích nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện mà lại tiếp tục thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho người khác điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Từ những căn cứ nhận định nêu trên cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo như mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản nào, bị cáo và bị hại đều không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự nên về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra thu giữ của bị cáo 01 thanh đao có cán bằng kim loại dài 90cm, mũi nhọn, lưỡi sắc dài 60cm, bản rộng nhất 06cm và 01 đoạn tuýp bằng kim loại dài 95cm, hình trụ tròn đường kính 03cm; Quản lý của ông Bùi Quang C 01 thanh kiếm kim loại màu trắng dài 67cm, cán bằng kim loại, lưỡi sắc dài 50cm, bản rộng nhất 3,5cm, mũi nhọn và 01 thanh kiếm bằng kim loại màu trắng dài 65cm, cán bằng gỗ màu nâu, lưỡi sắc dài 45cm, bản rộng nhất 3,5cm, mũi nhọn – xác định là của anh Vũ Ngọc T1. Các vật chứng này đều là hung khí nguy hiểm cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Bị hại anh Vũ Ngọc T1 đã có hành vi thách thức, đe dọa chém bị cáo Chu Công T. Trên đường đi mua thuốc lá, anh T1 đã mang theo 02 thanh kiếm (là hung khí nguy hiểm) để phòng thân nhưng do anh T1 chưa dùng các thanh kiếm này để tấn công bị cáo nên Công an huyện Quỳnh Phụ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh T1 về hành vi nêu trên là phù hợp.

[9] Đối với anh Nguyễn Đức H là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo Chu Công T đến Thôn Đ, xã A, huyện P với mục đích nếu xảy ra đánh nhau thì còn kịp can ngăn. Hơn nữa, trong suốt quá trình chở bị cáo đi, anh H thường xuyên can ngăn bị cáo. Do đó, không đủ căn cứ xác định anh H đồng phạm với bị cáo về hành vi cố ý gây thương tích cho anh Vũ Ngọc T1.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chu Công T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự), Điều 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Chu Công T 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/8/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu để tiêu hủy toàn bộ vật chứng đã thu giữ gồm: 01 thanh đao có cán bằng kim loại dài 90cm; 01 đoạn tuýp bằng kim loại dài 95cm; 01 thanh kiếm kim loại màu trắng dài 67cm; 01 thanh kiếm bằng kim loại màu trắng dài 65cm.

(Có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an và Chi cục Thi hành án hình sự ngày 21/01/2021)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Chu Công T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND h. P;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã K, h.P;
- Công an & Chi cục THADS h. P;
- TAND & Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)